

ĐỌC THƠ

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS : Hiểu đặc điểm của thơ và biết cách đọc văn bản thơ phù hợp với đặc điểm của thể loại.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Tính chất của bài học

Đây là bài dạy lí luận văn học về thơ, tuy nhiên do yêu cầu dạy học tích hợp với các bài đọc văn nên kiến thức lí luận văn học ở đây được chuyển thành dạng hướng dẫn đọc văn bản theo hình thức thể loại. Vì vậy, ở bài này vừa có kiến thức lí luận văn học, vừa có kiến thức về phương pháp đọc - hiểu.

Về phân loại văn học, có truyền thống chia văn học làm ba loại hình theo phương thức biểu hiện : tự sự, trữ tình, kịch ; mỗi loại hình như thế lại bao gồm các thể loại nhỏ. Cũng có truyền thống chia văn học theo các loại hình theo cấu tạo văn bản : thơ, truyện, kịch, kí, nghị luận. Do lấy *văn bản* làm đối tượng đọc - hiểu, nên SGK chọn cách phân loại thứ hai. Như vậy, *thơ* ở đây có thể hiểu là một loại hình có đặc điểm văn bản riêng vừa có thể hiểu đó là thể loại thơ trữ tình (từ genre trong tiếng Pháp vừa có nghĩa là *loại hình*, vừa có nghĩa là *thể loại*).

Từ Chương trình và SGK THCS đến lớp 11, HS đã đọc - hiểu nhiều tác phẩm thơ (chủ yếu là văn bản trữ tình). Ở THCS đã tổng kết về thể loại thơ, như vậy trên thực tế, HS bước đầu đã có kinh nghiệm đọc thơ. Vì thế, bài này vừa tổng kết, vừa nâng cao về lí luận và kinh nghiệm đọc thơ, kết hợp lí luận với ôn tập, thực hành.

b) Giải thích một số khái niệm về thơ

– Thơ là thể loại xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người, là kết tinh của bản chất nghệ thuật.

– Lí luận về thơ đã đưa vào Chương trình THPT từ lâu, song lần biên soạn này có sự đổi mới cách trình bày, bởi vì ở lớp 10 HS đã học văn bản văn học, cho nên đặc điểm thơ ở đây cũng bắt đầu trình bày từ phương diện văn bản.

– HS sẽ chú ý trước hết đến hình thức biểu hiện bên ngoài của văn bản thơ (hình thức có thể nhìn bằng mắt và đọc thành tiếng, nghe bằng tai cho dù đọc thầm thì hình ảnh âm thanh vẫn cho phép người đọc cảm nhận về đẹp bề ngoài về mặt âm hưởng, nhạc điệu) với hai đặc điểm : tính nhạc và tính họa. Về đẹp nhịp nhàng do có tiết tấu, sự hài hoà, sự hiệp vận và ngắt nhịp. Về đẹp trâm bồng do đối lập các thanh bằng với thanh trắc, thanh dấu huyền với thanh không dấu. Về đẹp luyến láy do sự điệp vận, song thanh, từ láy,... tạo nên. Tất nhiên ở đây chủ yếu nói tới các vẻ đẹp trong thơ tiếng Việt, thơ chữ Hán. Thơ dịch do phải chuyển ngữ nên đã bị hạn chế rất nhiều về hai phương diện nói trên.

– Nhìn sâu hơn vào văn bản, HS sẽ nhận ra hình thức bên trong. Đó là hình thức được nhận ra bằng trí tưởng tượng, liên tưởng. Lời thơ khác hẳn với lời nói thường. Thực chất đó là lời nói thầm kín bên trong cõi lòng của con người, lời độc thoại, lời mình nói với mình. Người ta sáng tác thơ để con người nghe được tiếng lòng của nhau. Chính là vì tiếng lòng cho nên lời thơ mới kết hợp được với nhịp điệu, tiết tấu và các phép tu từ như ví von, ẩn dụ. Chính vì thơ là lời nói thầm, cho nên nếu đem nói như lời nói hàng ngày thì nghe không thích hợp. Đôi khi người ta đưa khẩu ngữ vào thơ thì chỉ là để tạo sắc thái, chứ không thể biến lời thơ thành khẩu ngữ.

Chính là tiếng lòng cho nên thơ có thể nói bằng những lời có giá trị thẩm mỹ và có tính khái quát cao. Chính vì là tiếng lòng cho nên lời thơ chủ yếu là lời độc thoại, tức là lời mình nói với mình, cho mình nghe. *Tương tư* của Nguyễn Bính, *Vội vàng* của Xuân Diệu, *Việt Bắc* của Tố Hữu, dù có sắc thái khác nhau, về cơ bản đều là lời độc thoại.

– Điều đáng lưu ý là trong thơ tuy ít khi kể về sự kiện, nhưng ở mỗi bài thơ vẫn thấp thoáng một sự kiện nào đấy đã gợi lên dòng cảm xúc trong bài thơ. Hình tượng nhân vật trong thơ như em Lượm (*Lượm*), Bác Hồ (*Sáng tháng năm, Bác ơi !*,...) trong thơ Tố Hữu đều là những sự kiện gợi lên cảm xúc, tư tưởng của mỗi bài thơ. Để hiểu được nội dung cảm xúc trong bài thơ, người ta phải suy đoán ra từ các sự kiện nhiều khi ẩn chìm. Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* có sự kiện được nhắc đến trong hồi kí là "phiến ảnh" (bức ảnh) mà Hàn Mặc Tử nhận của người bạn gái gửi từ Vĩ Dạ. Người xưa nói nhà thơ "cảm cảnh sinh tình", "cảnh" đây cũng là "sự kiện" đối với nhà thơ. Người xưa lại nói thơ "tức cảnh", "tức sự", "sự" đây cũng là sự kiện mà nhà thơ cảm xúc. Sự kiện trong bài thơ *Nắng mới* của Lưu Trọng Lư là nắng mới gợi lên sự hồi tưởng về người mẹ. Sự kiện trong bài *Bác ơi !* của Tố Hữu là sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự kiện trong bài *Ông đồ* của Vũ Đình Liên là hiện tượng ông đồ đã biến mất

trong bối cảnh đương thời. Tìm hiểu sự kiện là tiền đề để hiểu bài thơ, mặc dù bài thơ không trực tiếp kể về sự kiện. Nếu không hiểu về Tiểu Thanh, về số phận của Nguyễn Du trong cơn lốc lịch sử, chắc chắn không thể hiểu được bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí*.

- Điểm cuối cùng là đặc điểm ngôn ngữ thơ, phân biệt với ngôn ngữ văn xuôi. Cần chú ý đặc điểm này : ý nghĩa mà văn bản thơ muốn biểu đạt thường không đồng nhất với nội dung thông báo trực tiếp của lời thơ. Ví dụ mấy câu thơ của Phạm Ngũ Lão, của Đặng Dung mà SGK đã dẫn. Người ta dễ dàng nắm bắt nội dung thông báo, còn ý thơ thì phải cảm nhận và suy đoán. Tìm cách biểu đạt ý bằng hình tượng tức là tạo ra "tứ", là cấu tứ. Quách Tấn có dẫn chứng câu thơ Tản Đà : "Non Tượng trời cho bao tuổi lẻ - Sông Đà ai vượn một dòng quanh" để nói quan hệ giữa tứ và ý : "bao tuổi lẻ" là tứ để nói ý núi cao, dùng tứ tuổi cao để nói ý núi cao, còn "ai vượn một dòng quanh" là tứ để nói dòng sông quanh co uốn khúc. Cấu tứ tức là tạo ra một hình thức gợi cảm độc đáo để biểu đạt ý. *Tứ thơ* là hình thức biểu hiện ý thơ. Trong thơ có tứ toàn bài, có tứ từng khổ, có tứ từng câu.

c) Cách đọc thơ

Đọc thơ cũng như đọc các văn bản thuộc thể loại khác đều không ngoài mục đích nắm bắt, cảm nhận ý nghĩa nhà thơ muốn biểu đạt, thể hiện đồng cảm và hưởng thụ thẩm mỹ.

Đọc thơ đòi hỏi một kĩ năng riêng trong việc đọc - hiểu các câu thơ, hình ảnh thơ, sự kiện trong thơ, khám phá ý nghĩa sâu sắc, phong phú của bài thơ. Người ta thường nhấn mạnh đến cảm thụ thơ. Điều đó rất đúng, nhưng hiểu bài thơ rồi thì sự cảm thụ mới được sâu sắc và đầy đủ. Chẳng hạn, đọc bài *Độc Tiểu Thanh kí* mà không biết sự tích của Tiểu Thanh, không hiểu được cuộc đời của Nguyễn Du thì hiểu sao được các câu thơ như : "Chi phấn hữu thân liên tử hậu - Văn chương vô mệnh luy phần dư - Cổ kim hận sự thiên nan vấn - Phong vận kì oan ngã tự cư". Mà đã không hiểu thì còn cảm thụ cái gì ? Do vậy, đọc thơ không thể xem nhẹ khâu đọc - hiểu.

Trong bài lí luận này nhấn mạnh hai điểm : 1. Cảm nhận được mọi biểu hiện cụ thể của văn bản như ngôn từ, hình dung tình huống phát ngôn, giọng điệu, kết cấu, tứ thơ, phát hiện ý nghĩa của toàn bài. Đọc thơ phải dùng đến tưởng tượng, thể nghiệm mới hiểu thơ. Thể nghiệm là thử đặt mình vào tình huống trong văn bản để hiểu. 2. Phân tích hình tượng thơ : hình tượng thơ bao gồm hình tượng nhân vật trữ tình và hình tượng con người, cảnh vật trong thơ, các chi tiết (hình ảnh) thơ.

2. Về phương pháp

– Những điều trình bày trong bài, nói chung không có gì xa lạ với GV và HS. Bởi vì HS đã đọc nhiều thơ và GV đã dạy nhiều tác phẩm thơ. Khi dạy bài này GV nên kết hợp kinh nghiệm đọc thơ của mình và huy động kinh nghiệm đọc thơ của HS (qua các bài đã học) mà nâng cao nhận thức cho HS. Vì thế cần tăng cường nêu các câu hỏi gợi nhớ, câu hỏi yêu cầu HS phân tích khái quát ý thơ.

– Không nên dạy theo lối trình bày lí thuyết trừu tượng, mà nên chép một bài thơ ngắn, hoặc một vài câu thơ lên bảng để thầy trò cùng quan sát, phân tích đặc điểm và cách đọc thơ.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV có thể nêu cho HS câu hỏi : Từ THCS đến THPT, HS đã học nhiều bài thơ hay. Thử gọi tên một số tác phẩm. Vậy thể loại thơ có đặc điểm gì khác so với thể loại văn học khác ? Đọc thơ có gì khác với đọc truyện ? Đọc thơ có những khó khăn nào ?

Từ các vấn đề ấy chuyển sang tìm hiểu đặc điểm của thơ và cách đọc thơ.

2. Phần nội dung chính

GV chép một bài thơ ngắn, tứ tuyệt hay bát cú lên bảng cho HS quan sát, sau đó lần lượt tìm hiểu các vấn đề.

a) Đặc điểm của thơ

– Nhìn bên ngoài văn bản thơ có đặc điểm gì ?

Gợi ý HS trả lời các đặc điểm và chốt lại ở các vẻ đẹp hội họa, âm nhạc với sự nhịp nhàng, trầm bổng, luyến láy,...

– Nhìn sâu hơn vào bên trong, lời thơ khác lời nói hằng ngày như thế nào ?

Gợi ý HS thấy được lời thơ là tiếng lòng, là lời nói bên trong. Lời thơ là lời độc thoại, là lời mình nói với mình. Nhà thơ viết ra để lời thơ trở thành lời nói bên trong của người khác. Chẳng hạn :

– *Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều
Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu !*

(Tố Hữu – *Bác ơi !*)

– Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.

(Hàn Mặc Tử – *Đáy thôn Vĩ Dạ*)

– Tư tưởng, tình cảm, cảm xúc trong thơ nảy sinh trực tiếp từ những sự kiện như thế nào ?

Đặc điểm của sự kiện trong thơ. Phân tích hình tượng trong thơ và suy đoán về sự kiện trong bài thơ, ngữ cảnh của bài thơ. Từ đó tìm hiểu tư tưởng, tình cảm của bài thơ. Tư tưởng, tình cảm của thơ tất nhiên là có cội nguồn sâu xa trong xã hội. Song để cho tư tưởng, tình cảm ấy có thể nảy sinh cần có các "sự kiện trực tiếp", như tiếng gà gáy canh khuya trong thơ Hồ Xuân Hương, đồ chơi tiến sĩ giấy trong thơ Nguyễn Khuyến.

– Ngôn ngữ hình ảnh biểu tượng trong thơ. Ý thơ – tức ý nghĩa của văn bản thơ không được thông báo trực tiếp, mà chỉ được biểu đạt qua hình ảnh, biểu tượng buộc người ta đọc cảm nhận và tự rút ra ý nghĩa. GV có thể sử dụng ví dụ trong bài học và nên đọc thêm các ví dụ khác.

b) Những yêu cầu về đọc văn bản thơ

– Cảm nhận mọi biểu hiện cụ thể, gọi cảm của văn bản thơ (ngôn từ, hình ảnh).

– Phân tích hình tượng thơ (bao gồm hình tượng con người, cảnh vật được biểu hiện và hình tượng nhân vật trữ tình).

Mục này nói lướt qua và thực hiện bằng các bài tập. GV dựa vào SGK ra bài tập và hướng dẫn HS làm tại lớp một số bài.

3. Gợi ý phân Luyện tập

Bài tập 1

Tìm "sự kiện" trong các bài thơ *Tự tình* (bài II), *Chạy giặc*, *Tiến sĩ giấy*, *Thương vợ*, *Câu cá mùa thu*. "Sự kiện" trong *Tự tình* (bài II) là tiếng trống canh khuya báo hiệu thời gian trôi qua và cuộc đời trơ trọi, "sự kiện" trong *Chạy giặc* là tiếng súng của giặc Pháp làm tan chợ, "sự kiện" trong *Tiến sĩ giấy* là việc phát hiện ý nghĩa "tiến sĩ giả" trong thứ đồ chơi, "sự kiện" trong *Thương vợ* chính là sự nhận thức về người vợ tảo tần. Trong số các bài này, hai bài sau cũng có vẻ khó xác định. *Câu cá mùa thu* là bài tả cảnh nhưng cũng có "sự kiện". Cảnh này không nhất thiết là cảnh có thực hoàn toàn, mà có phần

tưởng tượng và ước lệ. Nhà thơ có phần cực tả cái tâm và cái tình. Câu thơ "Tựa gối ôm cần lâu chẳng được" hàm một ý ta thán rằng yên tĩnh không được lâu, vì cá đâu đó đã đớp động dưới chân bèo. "Sự kiện" cá đớp động có người hiểu là lũ cá tham mồi, phá vỡ cái cảnh yên tĩnh của nhà thơ. Cũng có cách hiểu đó là dấu hiệu sự sống trong yên tĩnh, nhưng cách này không giúp làm sáng tỏ vì sao mà "lâu chẳng được" ở câu trên.

Bài thơ *Thương vợ* của Tú Xương là bài thơ vịnh vợ, viết về vợ, "sự kiện" của nó là cảnh về nổi vất vả ngược xuôi của vợ vì sinh kế của gia đình và sự "vô tích sự" của nhà thơ.

Các "sự kiện" nêu trên làm thành ngữ cảnh cụ thể của mỗi bài thơ. Dùng thời gian trôi qua để nói ý sốt ruột về cuộc sống ít hạnh phúc là tứ toàn bài của bài *Tự tình* (bài II). Hình ảnh trong mỗi cặp đối trong bài làm nên tứ của từng câu hoặc cả cặp câu đối. Chẳng hạn, trong câu "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh" là cái tứ biểu hiện cái ý : Không cách gì làm nguôi ngoai được nỗi cô đơn. Tứ trong các bài khác cũng có thể suy như thế mà hiểu. Chẳng hạn, tiếng chửi trong bài *Thương vợ* là cái tứ để biểu hiện cái ý tự trách mình của Tú Xương.

Bài tập 2

Ý nghĩa bài thơ là điều mà nhà thơ muốn biểu đạt, còn tứ thơ là hình thức đặc biệt để biểu đạt ý nghĩa. Tứ thơ có thể là một hình ảnh (như hình ảnh "mài gương báu dưới trăng" trong bài thơ *Nỗi lòng* của Đặng Dung). Tứ thơ có thể là hình ảnh tương phản đối lập hay hình ảnh song hành,... như ở nhiều cặp đối trong thơ luật hoặc ở các câu thơ khổ thơ hiện đại. Tứ thơ có thể là hình ảnh xuyên suốt toàn bài như hình ảnh tiến sĩ giấy của Nguyễn Khuyến, hình ảnh cuộc "hầu Trời" của Tản Đà. Người đọc phải dựa vào tứ mà nhận ra ý nghĩa biểu đạt của văn bản.

Bài tập 3

Lời thơ thường không trực tiếp thông báo ý nghĩa mà nhà thơ muốn biểu đạt. Ví dụ, hai câu "Gác mái ngư ông về viễn phố - Gõ sừng mục tử lại cô thôn" chỉ thông báo trạng thái hoạt động của ngư ông và mục tử. Đó là tứ, tứ ấy biểu đạt cái ý nói về cuộc sống thanh thoi, êm ả của những người được sống trên quê hương mình. Còn hai câu : "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi - Dặm liễu sương sa khách bước dồn" là tứ thơ thể hiện cái ý nói về cảnh tượng tấp tểnh đáng thương của người xa quê hương. GV có thể nêu thêm nhiều ví dụ khác hoặc gợi ý HS tìm ví dụ trong các bài thơ đã học.

Bài tập 4

Sự phân biệt nhân vật trữ tình với tác giả có tác dụng giúp người đọc tránh sự ngộ nhận, đồng nhất nhân vật trữ tình với nhà thơ. Nhân vật trữ tình là sản phẩm của sáng tạo nghệ thuật, được tự do biểu hiện, khác với tác giả trong đời thực. Chẳng hạn, nhân vật trữ tình trong bài *Lời kĩ nữ* là người kĩ nữ, còn tác giả là Xuân Diệu. Nhân vật trữ tình trong bài *Người con gái Việt Nam* gọi chị Lí bằng "em", còn tác giả Tố Hữu thì gọi chị Lí bằng "chị". Trường hợp nhân vật trữ tình nhập vai như người chinh phụ (*Chinh phụ ngâm*), người cung nữ (*Cung oán ngâm*), anh bộ đội (*Bầm ơi*), thì nhân vật trữ tình và nhân vật trong thơ đã nhập làm một.